

Vượt qua bẫy thu nhập trung bình:

Đổi mới hoạch định chính sách công nghiệp ở Việt Nam

**Kenichi Ohno (VDF/GRIPS)
Sửa đổi tháng 6/2010**

Nội dung trình bày

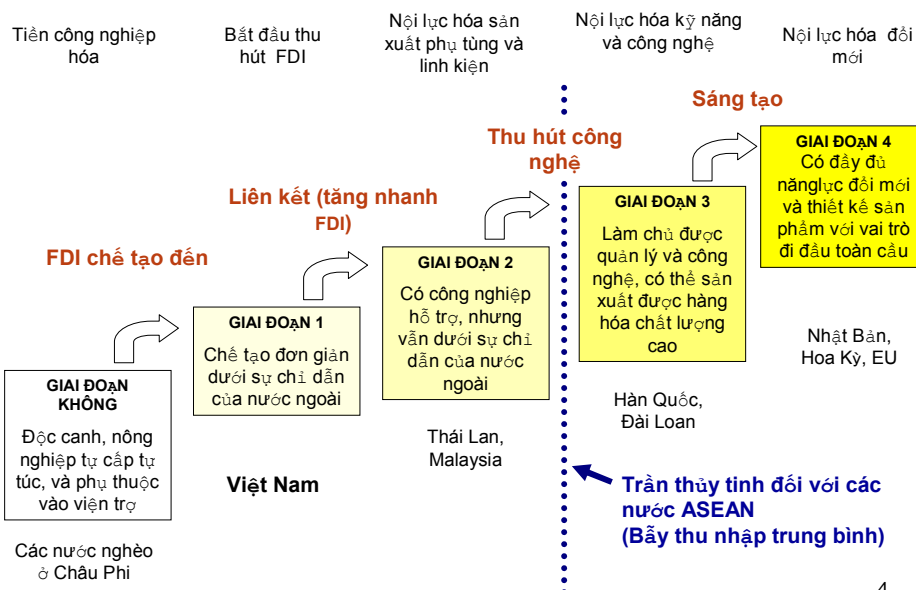
- Bẫy thu nhập trung bình và Chính sách công nghiệp tiên phong
- Danh mục chính sách nhằm tăng cường năng lực công nghiệp
- Những vấn đề chiến lược nhằm cải thiện chính sách công nghiệp của Việt Nam

Việt Nam: Bẫy thu nhập trung bình và Chính sách công nghiệp tiên phong

- Các nước đi sau có thể đạt được mức thu nhập trung bình nhờ tự do hóa và hội nhập, nhưng để đạt được mức thu nhập cao hơn cần phải có các chính sách tích cực hơn nhằm tăng cường sự năng động của khu vực tư nhân.
- Tăng trưởng không thể dựa mãi vào nguồn tài nguyên thiên nhiên, lợi thế về vị trí địa lý hoặc FDI. Nguồn lực thực sự của phát triển chính là tạo ra giá trị bằng vốn con người (kỹ năng, công nghệ). Chính sách và thể chế phải khuyến khích được sự tích lũy vốn con người.
- Những chính sách như vậy vẫn có thể thực hiện được trong bối cảnh toàn cầu hóa. Nhưng chúng không giống với những chính sách đã có trước đây. Có thể gọi đó là “chính sách công nghiệp tiên phong.”

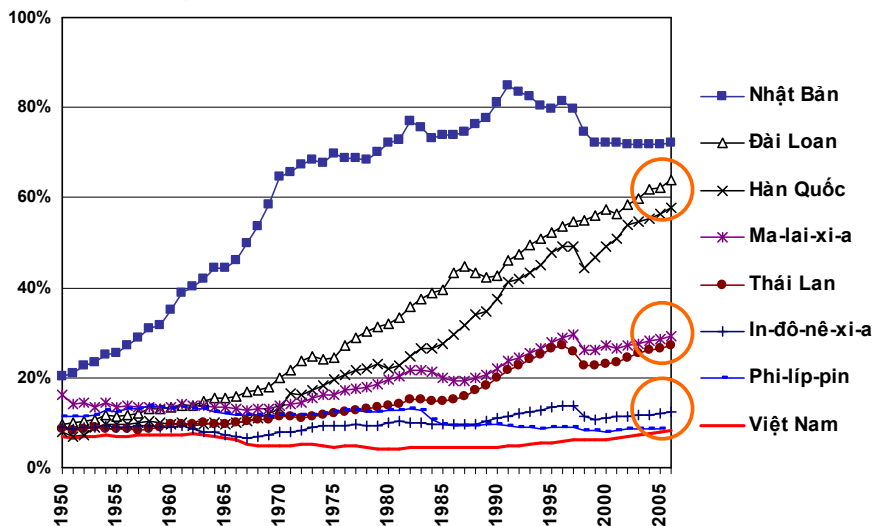
3

Các giai đoạn công nghiệp hóa bắt kịp



Tốc độ bất kịp khác nhau

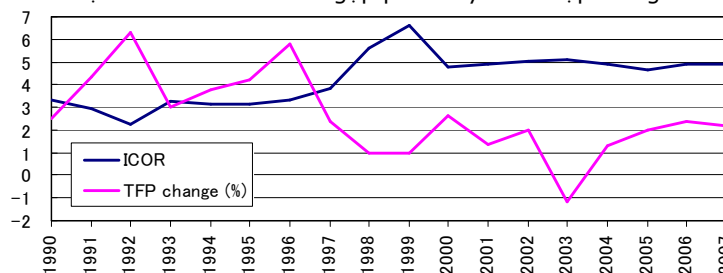
Thu nhập bình quân đầu người tính theo giá so sánh so với Hoa Kỳ
(Tính theo đồng đô la Geary-Khamis quốc tế năm 1990)



Nguồn: Angus Maddison, *The World Economy: A Millennium Perspective*, OECD Development Centre, 2001; the Central Bank of the Republic of China; and IMF *International Financial Statistics* (đã cập nhật 1998-2006).

Thách thức đối với Việt Nam

- Nhờ Đổi Mới và luồng FDI và ODA lớn đổ vào, Việt Nam đã đạt mức thu nhập trung bình thấp (GDP bình quân đầu người đạt 1.200\$ năm 2010). Nhưng Việt Nam vẫn chưa xây dựng được các chính sách nhằm cải thiện vốn con người.
- Việt Nam chỉ thực hiện những công đoạn lắp ráp đơn giản với lao động không có kỹ năng. FDI sẽ rút khỏi Việt Nam và phi công nghiệp hóa sẽ xảy ra khi mức lương tăng và hội nhập ngày càng sâu rộng. Không tạo ra được giá trị trong nước, Việt Nam chắc chắn sẽ gặp phải bẫy thu nhập trung bình.



6

Chính sách công nghiệp tiên phong: Bảy đặc điểm cần có

1. Cam kết mạnh mẽ hội nhập toàn cầu và tăng trưởng do khu vực tư nhân dẫn dắt
2. Chính phủ mạnh và khôn khéo định hướng cho khu vực tư nhân
3. Duy trì các công cụ chính sách vừa đủ cho các nước công nghiệp hóa đi sau
4. Không ngừng học hỏi chính sách thông qua các dự án và chương trình cụ thể
5. Nội lực hóa các kỹ năng và công nghệ như là một mục tiêu quốc gia
6. Đối tác công tư hiệu quả
7. Cả chính phủ và doanh nghiệp đều thu thập và có đầy đủ thông tin về công nghiệp

7

Thu thập thông tin và Học hỏi chính sách

- Chính sách công nghiệp tiên phong được thực hiện một cách khôn ngoan, đặc biệt ở Đông Á.
- Danh mục chính sách nhằm tăng cường năng lực công nghiệp đều giống nhau. Nhưng cần có sự lựa chọn và điều chỉnh cho phù hợp với những đặc điểm riêng có của mỗi nước.
- Cần thu thập thông tin cụ thể về chính sách công nghiệp của các nước khác.
- Từng bước mở rộng phạm vi chính sách khi năng lực chính sách được cải thiện.

8

Áp dụng trình tự chính sách chuẩn

Việt Nam cần:

- Thành lập nhóm kỹ trị dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Thủ tướng
- Lựa chọn một số vấn đề chiến lược cần nâng cao năng lực chính sách
- Chỉ định các nhóm hoặc các cơ quan thực hiện
- Thu thập thông tin chính sách cụ thể từ các nước láng giềng
- Soạn thảo quy hoạch tổng thể cùng các bên liên quan
- Bố trí đủ nhân lực và ngân sách
- Giám sát quá trình thực hiện và điều chỉnh khi cần

9

Danh mục chính sách chung nhằm nâng cao năng lực công nghiệp

Nội dung chính sách & tổ chức chính sách

Tầm nhìn-Kế hoạch-Hành động Các Bộ & ban ngành

Nâng cao nguồn nhân lực công nghiệp và năng lực doanh nghiệp

Khung chính sách	Tài chính
Vốn con người	FDI/Chính sách cụm ngành
Hỗ trợ doanh nghiệp	Kết nối kinh doanh

Cơ sở hạ tầng (điện & giao thông)

Phát triển vùng toàn diện

10

Những vấn đề chiến lược nhằm cải thiện chính sách công nghiệp của VN

Khung:

- Khung pháp lý và chính sách
- Các văn bản chính sách
- Các cơ quan hoạch định chính sách

Nội dung:

- Đào tạo và giáo dục về quản lý & kỹ thuật
- Chất lượng, năng suất, *kaizen*
- *Shindan* và *shindanshi*
- Tài chính SME
- Các khu vực ưu tiên và các ưu đãi đầu tư
- Các khu công nghiệp và các nhà xưởng cho thuê
- Kết nối FDI – trong nước

Chính sách SME hoặc CNHT có thể bao phủ hầu hết những vấn đề này

11

Thái Lan: Quy hoạch Công nghiệp hỗ trợ 1995

Chương trình đề xuất	Kết quả
1. Chính sách & pháp lý 1.1. Luật cơ bản về phát triển SME 1.2. Luật về xúc tiến đầu tư 1.3. Tài cơ cấu DIP nhằm thúc đẩy CNHT & SME phát triển 1.4. Chuẩn bị cho thống kê công nghiệp (CSDL CNHT)	1. 1.1. Luật phát triển SME 2000 1.2. (không có hành động) 1.3. Thành lập DSIP & OSMEP 1.4. n.a.
2. Phát triển thị trường (kết nối doanh nghiệp) 2.1. Mở rộng hoạt động của BUILD 2.2. Chương trình hỗ trợ đầu tư	2. 2.1. BUILD (1993-1997) 2.2. NSDP (1994)
3. Nâng cao trình độ công nghệ 3.1. Chương trình dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật (<i>shindanshi</i>) 3.2. Mở rộng hệ thống tiêu chuẩn kỹ năng nghề 3.3. Chương trình khởi động các trung tâm kỹ thuật công 3.4. Đào tạo liên kết giữa nhà trường và doanh nghiệp	3. 3.1. (không có hành động) 3.2. (không có hành động) 3.3. TAI, TGI, etc. 3.4. TNI, TGI, etc.
4. Hỗ trợ tài chính 4.1. Cải thiện cơ chế tài chính cho SME 4.2. Hỗ trợ doanh nghiệp thuê thiết bị	4. 4.1. Ngân hàng SME, mạng lưới cho vay 4.2. Bảo lãnh tín dụng, quỹ thiết bị
5. Nâng cao trình độ quản lý 5.1. Chương trình tái đào tạo doanh nghiệp 5.2. Tiếp tục dự án phát triển doanh nghiệp công nghệ	5. 5.1. TNI, TGI, etc. 5.2. n.a.
6. Xúc tiến đầu tư 6.1. Chương trình thu hút nhà đầu tư theo nhóm 6.2. Chương trình ươm mầm doanh nghiệp 6.3. Hỗ trợ doanh nghiệp mới	6. 6.1. Trang trại công nghiệp Amata 6.2. OSMEP 6.3. OSMEP

12

Kế hoạch hành động về công nghiệp hỗ trợ của Việt Nam do Nhật Bản đề xuất (tháng 6, 2009)

- Hành động của Việt Nam và hỗ trợ của Nhật Bản đồng thời được xác định cụ thể
- Ngắn hạn (giữa 2010), trung hạn (cuối 2011), dài hạn (2015)

Khung chính sách	Định nghĩa về CNHT, hệ thống giải thưởng, cơ chế phối hợp giữa các bộ, luật SME, v.v.
Nguồn nhân lực	Các dự án TVET thí điểm dành cho kỹ sư và nhà quản lý, hệ thống cấp chứng chỉ kỹ năng, trường đại học monozukuri, v.v.
Tài chính	Vốn vay lãi suất thấp, trợ cấp, miễn thuế, hệ thống chẩn đoán doanh nghiệp, v.v.
Marketing FDI	Hội thảo về đầu tư, khu công nghiệp dành cho CNHT, kết nối giữa doanh nghiệp trong nước và FDI, v.v.
Kết nối kinh doanh	CSDL CNHT, hội chợ thương mại, hiệp hội công nghiệp, v.v.

13

Cấp bậc chính sách

	Mô tả	Ví dụ
Tầm nhìn	- Khẩu hiệu - Ngắn gọn và Mơ hồ	-Tầm nhìn 2020 (Malaysia) -Detroit của Châu Á (Thái Lan) -Công nghiệp hóa và hiện đại hóa (Việt Nam)
Chiến lược	-Tài liệu cụ thể hóa các mục tiêu, lộ trình, biện pháp chính sách -Phạm vi và mức độ cụ thể tùy thuộc vào từng trường hợp	-Quy hoạch tổng thể công nghiệp (Malay.) -Nội dung chính của Quy hoạch tổng thể công nghiệp ô tô (Thái Lan) -Chiến lược Nhật Bản điện tử -Kế hoạch cụm công nghiệp (Nhật Bản)
Kế hoạch hành động	-Tài liệu, ma trận hành động, cơ chế chính thức và phi chính thức, hoặc quy trình đang tiếp diễn	-Các bảng hành động trong Quy hoạch tổng thể công nghiệp ô tô (Thái Lan) -Sáng kiến chung Việt Nam - Nhật Bản -Dự án Tam giác Hy vọng (Zambia)
Rà soát và Điều chỉnh	- Giám sát định lượng, báo cáo bằng văn bản, rà soát có tổ chức, hoặc rà soát phi chính thức	-Các ủy ban chung đánh giá giữa kỳ và cuối kỳ (VJJI, ToH Zambia) -Các ủy ban công nghiệp riêng biệt (Thái Lan)

Cấu trúc tiêu biểu của một Quy hoạch tổng thể ngành công nghiệp

Tầm nhìn	Tầm quan trọng, vai trò, định hướng, và vị trí của ngành công nghiệp trong phát triển quốc gia
Các mục tiêu	Các mục tiêu định lượng và/hoặc định tính trong trung và dài hạn
Phân tích hiện trạng	Hiện trạng, tiềm năng và trở ngại đối với công nghiệp trong nước đặt trong bối cảnh quốc gia, khu vực, và toàn cầu; các bảng biểu cung cấp số liệu, kết quả điều tra, so sánh quốc tế, v.v...
Các vấn đề chính sách	Một số vấn đề tiêu biểu cần được xác định, ưu tiên, và phân tích nhằm chuẩn bị cho quá trình thiết kế hành động chính sách
Kế hoạch hành động và cơ chế hành động	Cần xác định cụ thể các hành động, tiêu hành động, kết quả mong muốn, các tiêu chí thành công, thời hạn, và các cơ quan chuyên trách trong một ma trận lớn; cũng như cụ thể hóa quy trình giám sát và báo cáo. Hoặc là, hàng tháng tổ chức cuộc họp do lãnh đạo cấp cao chủ trì, hoặc có thể thay thế ma trận kế hoạch hành động bằng cách thực hiện quy trình phê duyệt ngân sách và dự án có sự phối hợp chặt chẽ và có tính tập trung cao

15

<Malaysia>

Tầm nhìn 2020 → IMP → OPP/ Kế hoạch Malaysia → Ngân sách
 “Trở thành nước (15 năm) (5-10 năm) (hàng năm)
 phát triển đầy đủ” 1991

<Thái Lan dưới thời Thaksin> (2001-2006)

Tầm nhìn của TTg → QHTT CN ô tô → Ma trận KHHĐ
 Trở thành “Detroit của Châu Á” Doanh nghiệp - Bộ CN – các chuyên gia thống
 nhất về các mục tiêu SX và XK ô tô/xe máy

<Ethiopia>

ADLI → Chiến lược PTCN → QHTT → Ban Điều hành xuất khẩu
 1994 2002: Các ng.tắc ch.sách Đồ da/may mặc/hoa/
 chế biến thực phẩm

<Việt Nam>

Mục tiêu 2020 → Quy hoạch tổng thể CN? → KHHĐ?
 CL 10năm/KH 5năm (Không có) (Không có)

Ma trận kế hoạch hành động: Quy hoạch tổng thể về công nghiệp ô tô Thái Lan

Chiến lược	Kế hoạch hành động	Kết quả	Chỉ số thành công chính	Cơ quan chuyên trách	Cơ quan phối hợp
1.2. Phát triển nguồn nhân lực công nghiệp ô tô	3. Dự án trung tâm đào tạo về ô tô	Trung tâm đào tạo về ô tô được tiêu chuẩn hóa	1. Số người được đào tạo	TAI	OIB/TAIA/TAPMA/FTI
	3.1. Cung cấp đào tạo có hệ thống từ trình độ công nhân đến quản lý		2. Số doanh nghiệp cử lao động đến đào tạo		
	3.2. Đào tạo kỹ năng		3. Thu nhập của những người được đào tạo tăng lên		
	3.3. Cung cấp đào tạo kỹ sư trong các ngành kỹ thuật tiên tiến và công nghệ chuyên biệt		4. Cắt giảm được chi phí và có lãi		

Nguồn: Bản tóm tắt (tiếng Anh), Quy hoạch tổng thể về Công nghiệp ô tô Thái Lan 2002-2006, trang 10.

17

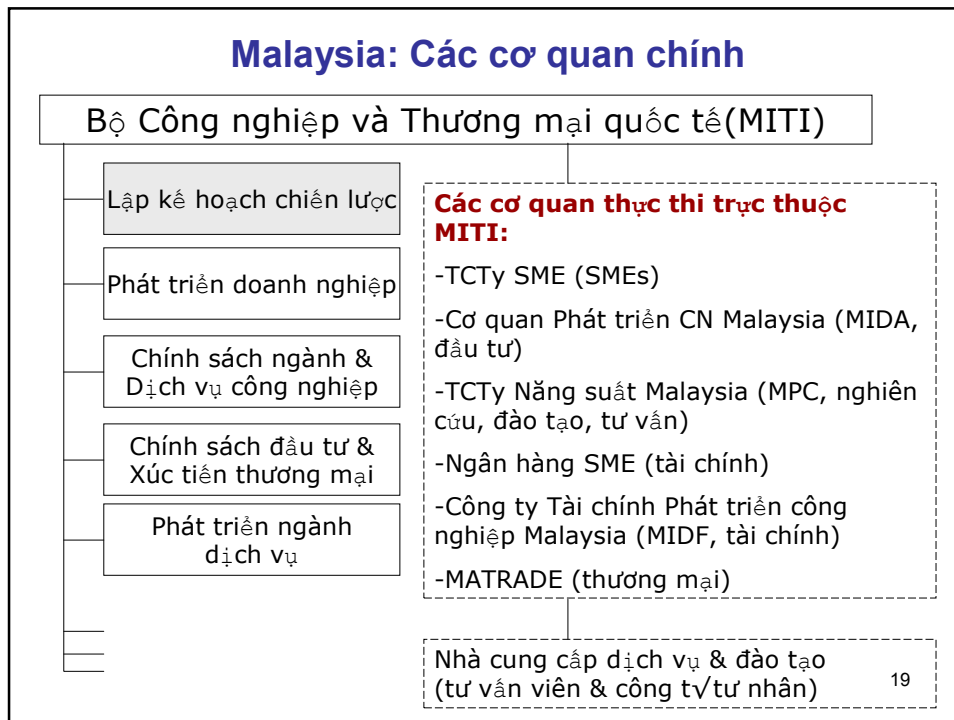
Ma trận kế hoạch hành động: Xúc tiến đầu tư Zambia

Khuyến nghị (Hành động)	Các hoạt động (Tiểu hành động)	Tình trạng	Kết quả mong muốn	Tình trạng	Thời gian hoạt động	Chuyên trách	Chỉ số giám sát
Xúc tiến đầu tư vào sản xuất bông thông qua việc cấp đất cho các nhà sản xuất thích hợp	1. Xác định khu đất MACO được giao quản lý	Ít tiến triển	Xác định và đảm bảo đất dành cho sản xuất bông	Chưa bắt đầu	Tháng 6/2007	MACO (chính), Bộ Tư pháp (phối hợp)	Báo cáo hàng tháng
	2. Gửi lên Bộ Tư pháp để làm chứng thư	Chưa bắt đầu					
	3. Xây dựng cơ chế hành chính cho các lô đất trang trại	Đã hoàn tất					

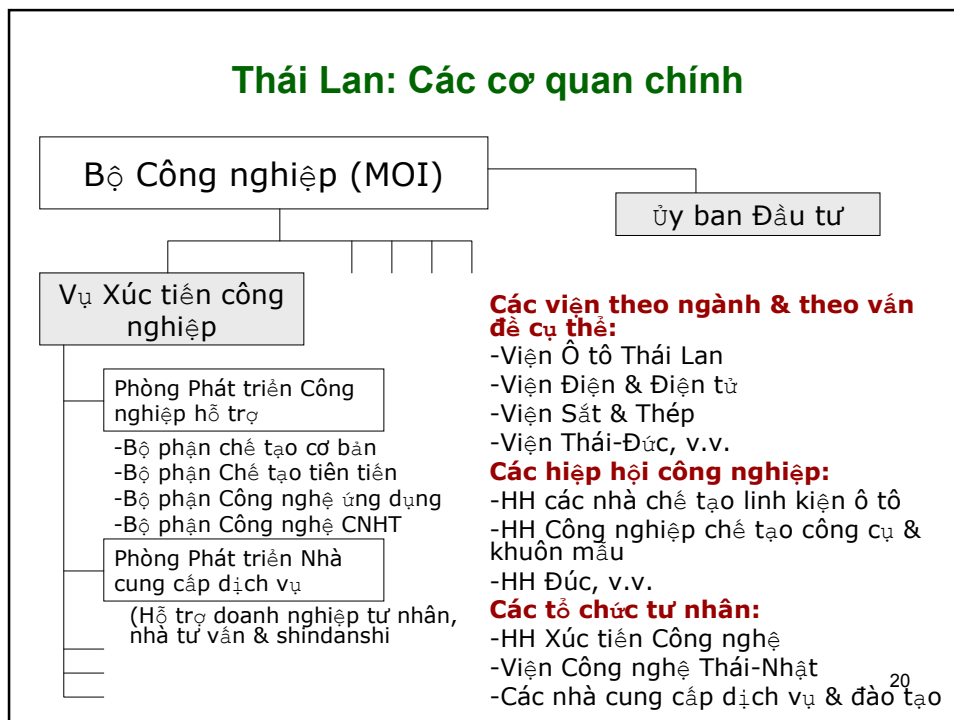
Nguồn: Dự án Tam giác Hy vọng, Zambia, 2007 (trích đoạn)

18

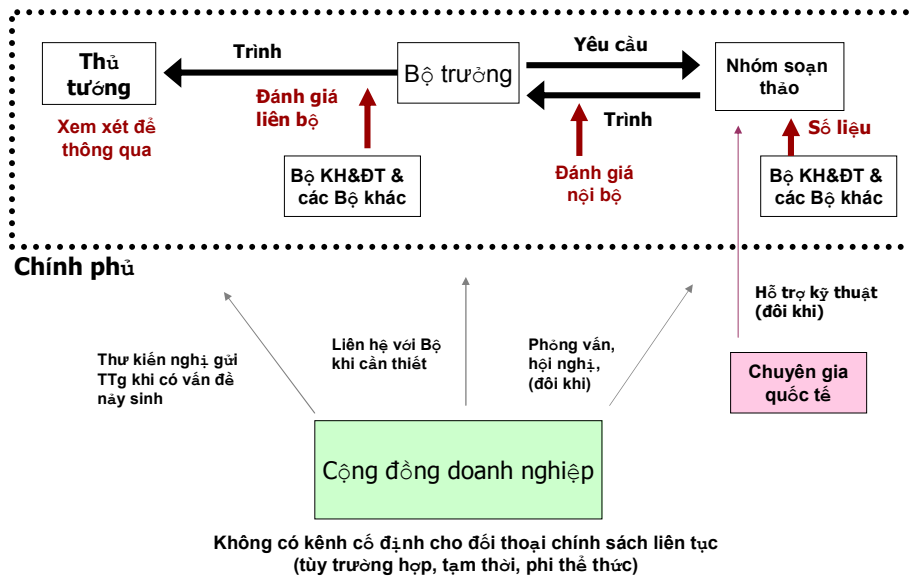
Malaysia: Các cơ quan chính



Thái Lan: Các cơ quan chính



Việt Nam: Quy trình dự thảo QH/KH truyền thống

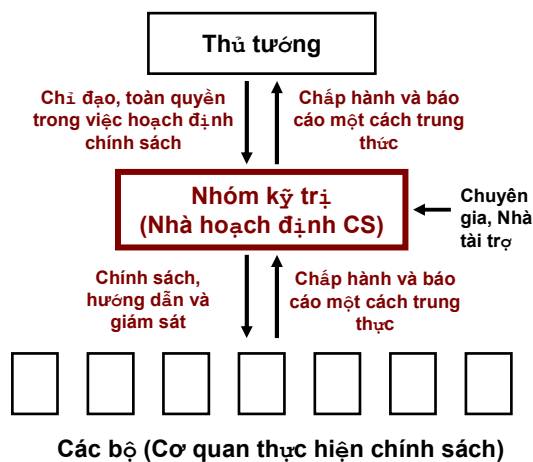


Đề xuất của tôi đối với Việt Nam

- Nhóm kỹ trị ưu tú dưới sự lãnh đạo tài giỏi của Thủ tướng
- Chọn các quan chức, chuyên gia trẻ, được đào tạo tốt
- Hợp lý hoá quyền hạn và quy trình chính sách

Hàn Quốc – ủy ban Kế hoạch kinh tế
 Malaysia – Ban Kế hoạch kinh tế
 Thái Lan – ủy ban PTKT-XHQG (NESDB)
 Đài Loan – Nhóm ưu tú Quốc dân đang
 Indonesia – “Mafia Berkeley” các nhà kinh tế Indonesia được đào tạo ở Hoa Kỳ)
 Chi-lê – “Các chàng trai Chicago” (các nhà kinh tế Chi-lê được đào tạo ở ĐH Chicago)

Vậy tại sao Việt Nam không làm giống như vậy?



Đề xuất đối với MOIT

- Trách nhiệm chính của MOIT cần chuyển từ quản lý ngành sang các vấn đề liên ngành như TVET, SME, công nghiệp hỗ trợ, hỗ trợ doanh nghiệp, chất lượng & năng suất, marketing, quyền sở hữu công nghiệp (IPR), cạnh tranh, và tiêu chuẩn & kiểm định.
 - Chính sách SME nên thuộc trách nhiệm của MOIT, không phải MPI (ASMED/EDA).
 - Cần lập ra Vụ/Cục công nghiệp hỗ trợ trực thuộc MOIT (không phải IPSI)
 - Cần nâng cao năng lực hoạch định quy hoạch
- ➔ Để thực hiện được những đề xuất này, năng lực của MOIT phải được củng cố hơn rất nhiều.

23

Nâng cao năng lực và TVET (Thái Lan)

Tổ chức	Thời kỳ	Ghi chú
Viện Công nghệ Quốc vương Mongkut	1961-	Đại học hàng đầu về kỹ thuật, đặc biệt là ICT
Hiệp hội Xúc tiến Công nghệ (TPA)	1973-	Đào tạo, tư vấn, xuất bản, ngoại ngữ
Chương trình <i>Shindanshi</i> (tư vấn kinh doanh)	1999-2004	450 tư vấn SME
Chương trình Phát triển nguồn nhân lực công nghiệp ô tô	2006-2010	Hỗ trợ từ Denso, Honda, Nissan và Toyota
Viện Thái-Đức	1999-	Đào tạo kỹ thuật về CNC, CAD/CAM, khuôn mẫu
Viện Công nghệ Thái - Nhật (TNI)	2007-	Đại học tư nhân giảng về lý thuyết và thực hành sản xuất theo kiểu Nhật

24

Ưu đãi đầu tư (Malaysia)

- Cơ quan Phát triển Công nghiệp Malaysia (MIDA) là cơ quan trung ương cấp phép đầu tư và cấp ưu đãi (không ủy quyền cho cấp địa phương)
- Ưu đãi có hai hình thức cơ bản:
 - Trạng thái tiên phong (miễn thuế thu nhập DN)
 - Hỗ trợ thuế đầu tư
- Phê duyệt ưu đãi:
 - Hoạt động hoặc sản phẩm phải thuộc danh sách ưu tiên
 - Do phòng công nghiệp có liên quan xem xét theo quyết định của Ủy ban hành động MIDA họp hàng tuần
 - Tiêu chí: tạo ra giá trị, đổi mới, liên kết

25

MIDA: Cấu trúc ưu đãi

1. Công nghiệp chế tạo
2. Nông nghiệp
3. Công nghệ sinh học
4. Du lịch
5. Môi trường
6. R&D
7. Thiết bị y tế
- ...
18. Khác

1. Chủ yếu
2. Chuyển địa điểm
3. DN công nghệ cao
4. Dự án chiến lược
5. SMEs
6. Liên kết công nghiệp
7. Máy móc & thiết bị
8. Mô-đun & hệ thống linh phụ kiện ô tô
9. Sinh khối dầu cọ
10. Khác (7)

26

Các hạng mục hợp lệ (công nghiệp chế tạo)

<p>I. Sản xuất nông nghiệp (20)</p> <p>II. Chế biến sản phẩm nông nghiệp (15)</p> <p>III. Trồng rừng và sản phẩm từ rừng (3)</p> <p>IV. Sản xuất các sản phẩm cao su (7)</p> <p>V. Chế biến các sản phẩm và chiết xuất từ dầu cọ (10)</p> <p>VI. Sản xuất hóa chất và hóa dầu (16)</p> <p>VII. Sản xuất dược và các sản phẩm liên quan (6)</p> <p>VIII. Chế biến gỗ và các sản phẩm từ gỗ (6)</p> <p>IX. Sản xuất bột giấy, giấy và bìa (11)</p> <p>X. Sản xuất hàng dệt và các sản phẩm dệt may (10)</p>	<p>XI Sản xuất các sản phẩm từ đất sét, cát và phi kim. (34)</p> <p>XII. Sản xuất sắt và thép (12)</p> <p>XIII. Sản xuất kim loại màu và sản phẩm từ kim loại màu (10)</p> <p>XIV. Chế tạo máy và phụ kiện (10)</p> <p>XV. Chế tạo phương tiện giao thông, linh phụ kiện (29)</p> <p>XVI. Sản phẩm/hoạt động hỗ trợ (17)</p> <p>XVII. Chế tạo các sản phẩm điện và điện tử & linh phụ kiện (19)</p>	<p>XVIII. Chế tạo thiết bị/phụ tùng thiết bị chuyên dụng, y tế, khoa học và đo kiểm (6)</p> <p>XIX. Chế tạo các trang thiết bị nhiếp ảnh, điện ảnh, video & quang học (4)</p> <p>XX. Chế tạo các sản phẩm nhựa (7)</p> <p>XXI. Các hoạt động, sản phẩm khác (25)</p> <p>XXII. Công nghiệp kinh doanh khách sạn, dịch vụ (6)</p> <p>XXIII. Công nghiệp phim ảnh (2)</p> <p>XXIV. Dịch vụ cho sản xuất (9)</p> <p>XXV. Sản xuất sản phẩm từ cây kenaf (1)</p> <p>XXVI. Các trang thiết bị bảo hộ (3)</p>
---	---	---

27

Các hạng mục hợp lệ - Cụ thể (XVI. Các sản phẩm/hoạt động hỗ trợ)

XVI. Các sản phẩm/hoạt động hỗ trợ

- | | |
|--|---|
| <ol style="list-style-type: none"> 1. Đúc 2. Rèn 3. Xử lý/hoàn thiện bề mặt kim loại 4. Gia công cơ khí 5. Công cụ và khuôn mẫu 6. Linh phụ kiện luyện kim (thiếu kết linh phụ kiện kim loại) 7. Xử lý nhiệt 8. Chế tạo khuôn 9. Dịch vụ bức xạ 10. Dịch vụ khử trùng khí 11. Đại tu, sửa chữa, phục chế, điều chỉnh hoặc dịch vụ và kiểm tra động cơ tua-bin | <ol style="list-style-type: none"> 12. Nguyên liệu tổng hợp 13. Thiết kế khuôn mẫu 14. Xử lý bề mặt hoặc hoàn thiện linh kiện nhựa gia công chính xác 15. Hệ thống & linh kiện 16. Dập kim loại (*) 17. Mạ kẽm, cắt kim loại tấm hoặc các dịch vụ gia công khác (*) |
|--|---|

(*) – Chỉ cấp ưu đãi tại một số khu vực khuyến khích đầu tư (Sabah, Sarawak, Perlis, Kelantan, Terengganu, Pahang & the district of Mersing in Johor)

28

Kết nối kinh doanh

Malaysia	Thái Lan
<p>Chương trình phát triển nhà cung cấp (1988-1996)</p> <p>Chương trình liên kết công nghiệp (1996-)</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Ưu đãi tài chính 2. Kết nối kinh doanh 3. Gói hỗ trợ (R&D, công nghệ, marketing...) 4. Hỗ trợ cho các doanh nghiệp mở neo (nhà lắp ráp) cung cấp đào tạo và hỗ trợ kỹ thuật cho SME <p>Điều kiện – SME với hơn 60% vốn Malay</p>	<p>Đơn vị Phát triển kết nối công nghiệp BOI (BUILD, 1992-)</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Nhà cung cấp gặp gỡ khách hàng (BOI là trung gian kết nối các doanh nghiệp mở neo và nhà cung cấp) 2. Thị trường (gặp gỡ hàng tháng giữa các doanh nghiệp mở neo và nhà cung cấp) 3. Tìm nguồn cung ứng (MNC đưa ra nhu cầu về linh phụ kiện) 4. Cơ sở dữ liệu công nghiệp hỗ trợ ASEAN
29	

Malaysia: Chương trình Nhà xưởng Ngân hàng SME

Địa điểm	Chương trình Nhà xưởng	Số lô	Loại hình					Diện tích lô (sq ft)
			1 floor	1.5 floors	2 floors	Semi-detached	Bangalow	
Kota Bharu	Pengkalan Chepa 1, Kelantan	23	17	6				1,000-1,800
	Pengkalan Chepa 2, Kelantan	20		16		4		4,400-6,500
Kuantan	Bandar Pusat Jengka, Pahang	20	20					900-4,500
	Gebeng II Kuantan, Pahang	20		16		4		4,960-7,300
K. Terengganu	Chndering, Kuala Terengganu	26		26				1,800
	Kampung Raja, Besut, Terengganu	15	15					1,800-2,700
	Mergong Barrage, Alor Star, Kedah	17	17					1,800
Alor Setar	Sungai Petani, Kedah	18				16	2	3,500
Johor Bahru	Tampoi, Johor Bahru, Johor	22	22					1,800
	Sri Gading II, Batu Pahat, Johor	20		16		4		4,200-6,250
Ipoh	Menglembu, Perak	29				29		1,750
Seremban	Seremban, Negeri Sembilan	22				22		1,690
Bandar Bayan Baru	Seberang Prai, Pulau Pinang	17		17				1,800-3,200
	Simpang Ampat, Pulau Pinang	12				12		3,000
	Bayan Lepas, Pulau Penang	4		4				2,303
Kangar	Kuala Perlis, Perlis	15		11		4		1,800-3,200
Bandar Melaka	Telok Mas, Melaka	18		18				1,800-3,200
Shah Alam	Shah Alam, Selangor	38		38				2,000-5,040
	Sungai Buloh, Selangor	3			3			4,500
	Sunway Damansara, Selangor	14				14		3,700-4,800
Kuala Lumpur	Batu Caves, Selangor	23		23				3,336-4,410
Kota Kinabalu	Lak Kawi, Sabah	15		15				2,500
Kuching	Kota Padawan, Kuching, Sarawak	6				6		2,275
	Muara Tabuwan, Sarawak	5				5		3,200-3,800
TOTAL		422	91	206	3	120	2	30